

Thứ ba, ngày 29 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Đà tăng được duy trì

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/6/2021		•	
Tuần 28/6-2/7/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch và đóng cửa tại trên ngưỡng 1410 điểm. Dòng tiền đầu tư suy giảm và chỉ còn 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản suy giảm so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh nhẹ vào những phiên tiếp theo để kiểm tra lại khu vực quanh 1400 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: VJC_Tăng giá (Trang 3)

- Điểm nhấn**
- VN-Index **+4.23** điểm, đóng cửa **1410.04**. HNX-Index **+0.69** điểm, đóng cửa **323.79**.
 - Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.77); VCB (+1.39); VIC (+1.17); VNM (+1.02); FPT (+0.72)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.99); HPG (-0.71); VPB (-0.7); GVR (-0.62); CTG (-0.49)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,422** tỷ đồng, **-9.87%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,324 tỷ đồng.
 - Biên độ dao động là 9.47 điểm. Thị trường có **153** mã tăng, 46 mã tham chiếu và **244** mã giảm.
 - Giá trị mua ròng của khối ngoại: **40.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (165.2 tỷ), VNM (94 tỷ) và VCB (92.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.48** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1410.04**
Giá trị: 19422.3 tỷ **4.23 (0.3%)**
Khối ngoại (ròng): 40.18 tỷ

HNX-INDEX **323.79**
Giá trị: 2908.73 tỷ **0.69 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): -12.48 tỷ

UPCOM-INDEX **90.30**
Giá trị: 1304.3 tỷ **0.5 (0.56%)**
Khối ngoại(ròng): 8.06 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	72.8	-0.11%
Giá vàng	1,768	-0.57%
Tỷ giá USD/VND	23,023	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,412	-0.12%
Tỷ giá JPY/VND	20,821	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	7.99%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	165.2	VPB	-297.6
VNM	94.0	CTG	-120.2
VCB	92.4	VIC	-40.2
STB	65.1	NVL	-21.7
HPG	55.1	TCH	-12.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 29/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	73.41	0.15%	3.00%	11.60%	83.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	75.67	0.15%	2.90%	10.10%	69.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	227.72	-0.16%	5.00%	7.30%	82.66%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1779.06	0.22%	0.80%	-6.20%	-0.88%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.08	0.52%	1.10%	-5.80%	42.73%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1291.50	-0.02%	-1.60%	-4.10%	50.17%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	653.50	0.23%	-1.80%	-1.00%	28.64%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.57	-0.18%	-1.50%	-8.80%	0.42%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	216.31	1.00%	1.70%	-7.50%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.24	1.35%	3.20%	1.50%	43.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	153.40	-0.32%	1.20%	1.60%	44.44%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9419.00	-0.67%	1.10%	-5.30%	59.83%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	776.04	0.93%	-1.90%	0.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	817.80	1.84%	-2.30%	-1.20%			
Nhôm	USD/ton	2440.00	0.02%	1.70%	2.20%	55.41%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	180.98	0.07%	-5.00%	9.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	124.90	2.17%	5.50%	17.60%	86.42%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 37 US cent, tương đương 0.5%, lên 75.56 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI 22 US cent lên 73.30 USD/thùng.
- Dữ liệu từ Đức cho thấy bán lẻ tăng vọt, mang lại kỳ vọng nhu cầu nhiên liệu ở Châu Âu sẽ hồi phục mạnh mẽ.
- Tồn kho dầu thô của Mỹ giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3 năm 2020. Các kho dự trữ xăng của Mỹ cũng bất ngờ giảm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.1% xuống 1,776.65 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 giảm 0.4% xuống 1,776.70 USD/ounce.
- Hai quan chức Fed hôm 23/6 cho biết lạm phát có thể tồn tại lâu hơn dự đoán. Một quan chức dự đoán việc tăng lãi suất sẽ được tiến hành vào cuối năm 2022.

	29/6	% 29/6	28/6	% 28/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1410.04	0.30%	1405.81	1.13%	2.18%	6.78%
S&P 500			4290.61	0.23%	1.56%	2.26%
HĐTL S&P500	4278.50	-0.04%	4280.40	0.21%	1.00%	2.14%
Shang- hai	3573.18	-0.92%	3606.37	-0.03%	0.44%	-0.99%
Euro Stoxx	4110.02	0.49%	4089.91	-0.75%	-0.32%	0.97%

Phân tích kỹ thuật
VJC_Tăng giá

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
 - Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
 - Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VJC đang ở trạng thái tăng giá trở lại sau khi có giai đoạn giảm từ tháng 3 đến hết tháng 5. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VJC nằm tại khu vực 117-117.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 132, cắt lỗ nếu ngưỡng 113 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

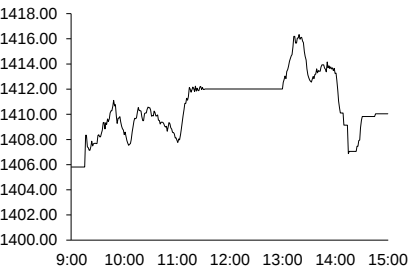
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	3.00%
Du lịch và Giải trí	2.33%
Bất động sản	1.10%
Bán lẻ	0.81%
Thực phẩm và đồ uống	0.44%
Dịch vụ tài chính	0.42%
Ngân hàng	0.19%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.09%
Viễn thông	0.00%
Truyền thông	-0.08%
Y tế	-0.37%
Ô tô và phụ tùng	-0.52%
Xây dựng và Vật liệu	-0.55%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.71%
Tài nguyên Cơ bản	-0.91%
Hóa chất	-1.04%
Bảo hiểm	-1.25%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.50%
Dầu khí	-2.25%

Hình 1

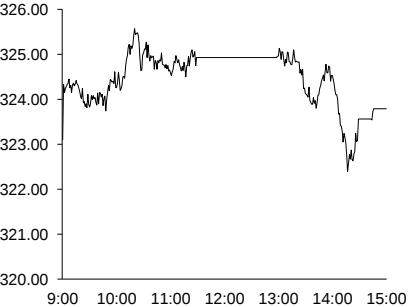
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

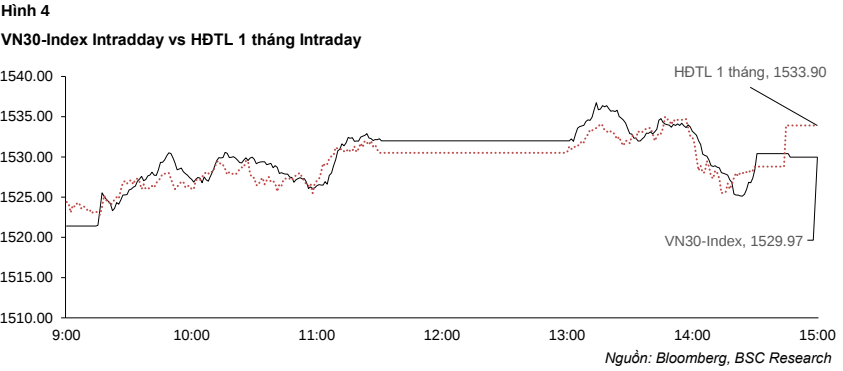
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	30.3	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	75	4	-0.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	35.7	5	2.59%	Có thể tiếp tục mua
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	64.9	6	-0.76%	Có thể tiếp tục mua
6/22/2021	HII	21.8	24	21	22.2	7	1.83%	Có thể tiếp tục mua
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	12.05	8	-3.60%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	11.15	11	8.78%	Có thể tiếp tục mua
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	15.65	12	-4.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	17.05	13	-0.87%	Có thể tiếp tục mua
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	59.3	14	-1.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	27.5	15	1.48%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	59.1	18	3.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	14.2	19	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	13.25	20	1.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	29.45	26	2.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.1	27	-2.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.85	29	-2.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	36.6	32	-2.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	57.7	40	-1.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	37	62	4.23%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	FS	25	12.11%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	TP	30	21.45%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	10	2.53%	-2.15%	0.19%	18
Cổ phiếu đã chốt	158	86	13.70%	-8.12%	6.01%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1533.90	0.66%	3.93	13.7%	166,652	15/07/2021	18
VN30F2108	1524.10	0.47%	-5.87	-37.5%	207	19/08/2021	53
VN30F2109	1520.20	0.84%	-9.77	17.1%	41	16/09/2021	81
VN30F2112	1522.50	0.66%	-7.47	120.9%	95	16/12/2021	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +8.56 điểm lên 1529.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, FPT, VHM, STB, VJC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1525-1535 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2102	06/07/2021	7	10:1	951,100	31.98%	1,900	2,900	8.61%	3,168	0.92	106,000	87,000	118,600
CFPT2101	05/07/2021	6	6:1	255,200	30.52%	1,500	4,370	5.81%	2,360	1.85	71,867	64,121	88,600
CPDR2101	27/09/2021	90	5:1	539,600	38.17%	1,100	4,550	2.02%	2,058	2.21	94,388	88,888	95,900
CMBB2101	06/07/2021	7	2:1	283,400	36.46%	1,600	8,250	1.85%	8,737	0.94	29,200	26,000	43,450
CPDR2102	27/09/2021	90	5:1	202,300	38.17%	1,100	5,190	1.57%	2,323	2.23	94,499	88,999	95,900
CVHM2104	09/08/2021	41	10:1	263,700	31.98%	1,600	3,140	0.64%	2,127	1.48	114,000	98,000	118,600
CSTB2104	27/08/2021	59	1:1	81,100	44.62%	4,000	10,310	0.49%	8,356	1.23	26,900	22,900	31,000
CTCB2102	06/07/2021	7	2:1	221,800	37.54%	2,300	8,100	0.12%	8,766	0.92	40,600	36,000	53,500
CHPG2105	09/08/2021	41	2:1	54,600	36.23%	3,000	16,240	-0.79%	5,055	3.21	48,000	42,000	51,800
CTCB2012	30/07/2021	31	1:1	33,100	37.54%	5,400	31,440	-0.82%	31,589	1.00	27,400	22,000	53,500
CTCB2101	05/10/2021	98	1:1	30,100	37.54%	5,000	24,450	-0.89%	12,532	1.95	36,000	31,000	53,500
CSTB2103	09/08/2021	41	2:1	107,800	44.62%	1,400	7,300	-1.22%	6,548	1.11	20,800	18,000	31,000
CHPG2102	05/07/2021	6	1:1	208,900	36.23%	6,600	29,500	-1.34%	10,832	2.72	34,996	30,144	51,800
CNVL2102	27/09/2021	90	16:1	586,200	32.81%	1,100	3,860	-1.53%	340	11.36	107,608	94,636	121,000
CTCB2103	09/08/2021	41	2:1	118,300	37.54%	2,900	9,400	-2.08%	9,095	1.03	41,300	35,500	53,500
CVPB2015	30/07/2021	31	1:1	70,100	37.48%	5,600	41,200	-2.60%	41,005	1.00	31,600	26,000	66,900
CHPG2108	12/08/2021	44	5:1	141,600	36.23%	1,200	4,890	-2.98%	105	46.50	48,124	43,713	51,800
CVPB2103	09/08/2021	41	2:1	89,100	37.48%	2,700	15,350	-3.15%	15,297	1.00	41,900	36,500	66,900
CHPG2104	05/07/2021	6	3:1	97,100	36.23%	1,500	8,300	-5.90%	2,345	3.54	36,247	32,938	51,800
CTCH2103	12/08/2021	44	4:1	589,600	43.97%	1,200	1,150	-13.53%	3	396.55	36,468	31,668	21,900
Tổng				3,973,600	37.08%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
- CMWG2103 và CVHM2102 tăng mạnh lần lượt là 14.19% và 8.61%. Trái lại, CVRE2104 và CMWG2105 giảm mạnh lần lượt là -16.67% và -16.27%. Giá trị giao dịch tăng 0.16%. CHPG2102 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.51% thị trường.
- CVHM2102, CTCB2102, CMBB2101, CREE2101, và CMWG2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CVPB2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	147.0	1.0%	0.9	3,039	3.6	9,051	16.2	4.0	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	98.6	0.5%	1.0	975	1.3	4,974	19.8	3.9	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	59.1	-1.5%	1.5	1,907	2.4	2,548	23.2	2.1	27.1%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	42.5	1.2%	0.5	413	0.1	3,809	11.2	1.3	49.0%	12.2%	
VIC	Bất động sản	118.0	1.1%	0.7	17,353	12.0	2,174	54.3	5.0	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	31.7	-0.3%	1.1	3,132	3.3	1,175	27.0	2.4	30.6%	9.3%	
VHM	Bất động sản	118.6	2.7%	1.0	16,962	30.2	7,874	15.1	4.3	22.8%	33.6%	
DXG	Bất động sản	24.1	-1.2%	1.3	542	5.1	(61)		1.9	26.1%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	54.6	1.3%	1.5	1,555	24.7	2,776	19.7	3.1	46.9%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	53.0	-0.2%	1.0	767	4.8	2,851	18.6	3.6	20.8%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	50.4	2.9%	1.6	668	11.1	2,462	20.5	3.2	48.2%	16.4%	
FPT	Công nghệ	88.6	3.4%	0.9	3,496	18.8	4,103	21.6	4.8	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	94.0	-0.9%	0.4	1,118	0.2	5,165	18.2	5.5	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	93.0	-2.1%	1.3	7,739	3.2	3,946	23.6	3.5	2.6%	14.9%	
PLX	Dầu khí	56.2	-1.6%	1.5	3,039	6.1	2,915	19.3	3.0	17.2%	16.8%	
PVS	Dầu khí	29.8	-2.3%	1.7	619	16.6	1,375	21.7	1.2	7.9%	5.4%	
BSR	Dầu khí	21.3	-1.4%	0.8	2,871	16.8	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.3	-0.3%	0.4	542	0.0	5,647	16.9	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	22.9	0.2%	0.7	390	2.7	1,928	11.9	1.1	14.5%	9.4%	
DCM	Hóa chất	20.7	1.0%	0.6	475	2.7	1,122	18.4	1.7	2.2%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	114.0	1.2%	1.1	18,383	9.1	5,709	20.0	4.2	23.5%	22.8%	
BID	Ngân hàng	46.9	0.0%	1.3	8,201	8.1	2,048	22.9	2.4	16.6%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	53.9	-0.9%	1.3	8,726	44.0	4,765	11.3	2.2	25.1%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	66.9	-1.6%	1.2	7,140	46.1	4,626	14.5	2.9	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	43.5	0.8%	1.2	5,287	34.4	3,612	12.0	2.4	21.1%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	36.5	-0.7%	1.0	4,282	10.7	3,194	11.4	2.6	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	59.3	-1.3%	0.7	211	0.1	6,160	9.6	2.0	83.1%	20.3%	
NTP	Nhựa	50.7	-2.5%	0.5	260	0.1	3,988	12.7	2.2	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	20.6	-1.4%	0.7	984	0.5	39	528.2	1.6	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	51.8	-1.1%	1.1	10,074	45.0	4,056	12.8	3.5	26.4%	31.3%	
HSG	Thép	42.0	-1.8%	1.4	893	18.2	4,914	8.5	2.5	9.3%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	91.0	2.0%	0.7	8,269	17.2	4,682	19.4	6.1	54.8%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	169.6	-0.9%	0.8	4,729	0.7	7,561	22.4	5.5	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	108.5	-0.4%	0.9	5,569	4.7	1,281	84.7	7.9	32.9%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	21.5	0.0%	1.2	577	2.5	1,131	19.0	1.7	8.5%	8.7%	
ACV	Vận tải	75.0	-2.7%	0.8	7,099	1.1	577	130.0	4.4	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	120.0	3.9%	1.1	2,826	3.4	2,256		4.3	18.2%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.7	1.7%	1.7	1,705	1.2	(9,327)		27.2	9.1%	-155.4%	
GMD	Vận tải	43.0	-2.3%	1.0	563	2.5	1,246	34.5	2.1	41.1%	6.2%	
PVT	Vận tải	21.1	-2.3%	1.3	297	4.0	2,281	9.3	1.4	12.4%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	109.3	-0.4%	0.9	760	0.9	8,479	12.9	4.1	3.9%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	30.0	-0.7%	0.4	585	0.2	1,604	18.7	2.0	5.7%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-1.8%	0.9	265	0.5	1,566	10.2	1.1	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	64.9	-1.7%	1.1	210	1.0	3,352	19.4	0.6	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	19.2	-0.3%	0.5	199	1.3	56	344.2	1.0	22.2%	0.2%	
REE	Điện	57.7	0.7%	-1.4	775	1.7	5,770	10.0	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	26.9	0.2%	-0.4	223	0.5	2,371	11.3	1.3	10.1%	13.2%	
POW	Điện	12.1	-0.8%	0.6	1,227	4.2	1,037	11.6	1.0	3.0%	8.6%	
NT2	Điện	20.6	-0.2%	0.5	257	0.2	1,872	11.0	1.4	14.9%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	39.8	-0.9%	1.0	813	12.8	1,639	24.3	1.8	18.9%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	54.4	0%	0.9	2,448	0.0			3.5	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	118.60	2.68	2.82	5.91MLN
VCB	114.00	1.24	1.41	1.85MLN
VIC	118.00	1.11	1.20	2.34MLN
VNM	91.00	2.02	1.02	4.37MLN
VJC	120.00	3.90	0.66	666900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.04	790600	1.11MLN
VPB	0.00	-0.73	15.70MLN	607060
HPG	0.00	-0.73	19.83MLN	373600
GVR	0.00	-0.65	4.64MLN	192700
CTG	0.00	-0.51	18.65MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HID	6.42	7.00	0.01	1.17MLN
HOT	37.45	7.00	0.01	1600
TTE	9.34	6.99	0.01	300
TGG	9.04	6.98	0.00	51400
FTM	3.54	6.95	0.00	640300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCP	22.15	-6.93	-0.01	1300
VIP	9.03	-6.91	-0.01	1.47MLN
VOS	7.98	-6.88	-0.02	1.32MLN
BTT	50.40	-6.67	-0.01	100
VTO	10.55	-6.64	-0.02	1.61MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	28.50	1.79	1.09	35.42MLN
THD	204.20	0.49	0.37	682000.00
BAB	26.90	1.13	0.27	170800
NVB	19.50	1.04	0.12	11.03MLN
SHS	44.00	0.46	0.06	7.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	29.80	-2.30	-0.24	12.78MLN
VND	45.20	-0.66	-0.14	6.12MLN
HHC	84.00	-8.40	-0.10	400
IDC	36.60	-1.08	-0.09	1.17MLN
PTI	28.70	-8.89	-0.08	1100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

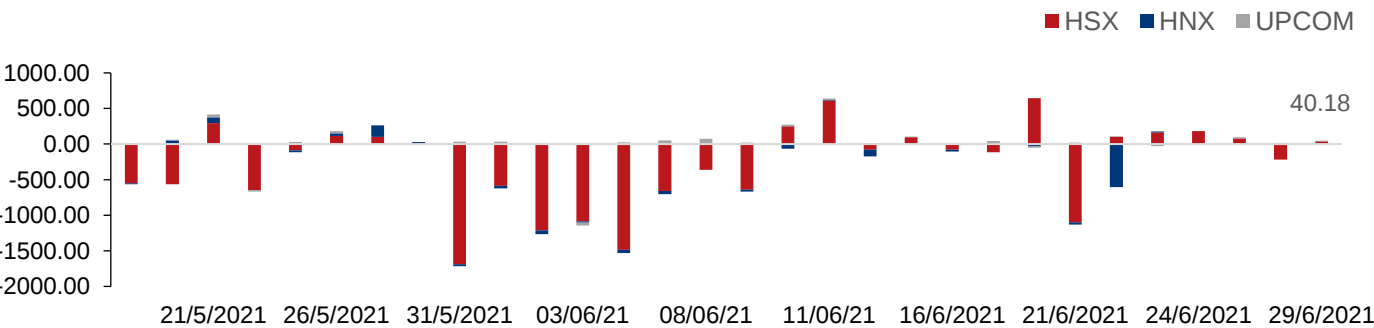
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	38.50	10.0	0.01	100
CTC	4.40	10.0	0.00	509100
TDN	11.00	10.0	0.02	507700
TTZ	3.30	10.0	0.00	381800
HVT	35.30	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDU	8.10	-10.00	0.00	100
SIC	17.60	-9.74	-0.02	700
VE3	8.50	-9.57	0.00	8000
MCC	12.40	-9.49	0.00	100
PCG	8.60	-9.47	-0.01	43400

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.5	3,194	11.4	2.6	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	75.0	577	130.0	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.2	600	17.0	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.1	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.1	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	53.9	4,765	11.3	2.2	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.7	1122.1	18.4	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	82.4	5,505	15.0	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	123.4	7,653	16.1	4.2	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	22.9	1,928	11.9	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.5	2,379	12.8	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	24.1	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	88.6	4,103	21.6	4.8	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	35.7	1,091	32.7	3.0	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.4	7,082	6.1	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.8	4,056	12.8	3.5	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	42.0	4,914	8.5	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.0	1,566	10.2	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.1	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	39.8	1,639	24.3	1.8	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	37.5	1,946	19.3	2.8	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	30.5			2.2	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	39.8	3,258	12.2	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	62.5	5,257	11.9	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	108.5	1,281	84.7	7.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	147.0	9,051	16.2	4.0	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.8	4,008	9.7	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.7	2,120	12.6	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	98.6	4,974	19.8	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,037	11.6	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.2	0	144.3	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.8	1,375	21.7	1.2	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	169.6	7,561	22.4	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.5	1,131	19.0	1.7	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.0	8272.5	4.7	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	53.5	4,074	13.1	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	114.0	5,709	20.0	4.2	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.2	4,166	11.3	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.6	570	34.4	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.5	3,837	11.8	1.6	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	118.6	7,874	15.1	4.3	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.0	4,682	19.4	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.9	4,626	14.5	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.7	1,175	27.0	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.1	3,256	25.2	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Bản công bố rủi ro [Link](#)

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639